TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/DS-PT
Ngày 11 – 7 - 2018
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Huy Lưỡng
Các Thẩm phán: + Ông Lê Văn Tài
+ Ông Trịnh Việt Thanh

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên, Thư ký viên, Tòa án tỉnh Ninh Bình

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Thanh Mơ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2018/TLPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2018 về Tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DSST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố N1 bị kháng nghị và kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐPT-DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị L; địa chỉ: Thôn I, xã N3, Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Số 150 (số cũ: 106), đường X, phố T3, phường T1, Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Chị Đinh Thị L3; địa chỉ: Số 103, đường X, phố T, phường T1, Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đinh Văn L1; địa chỉ: Số 24/180 đường S, phường V, Thành phố N2, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đinh Văn L1: Anh Đinh Văn H1; địa chỉ: Ngõ 173, đường X, phố Đ, phường T1, Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình.

2. Anh Đinh Văn L2; địa chỉ: Số 15, ngõ 13, đường T2, phố T3, phường T1, Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình.

3. Bà Đinh Thị M; địa chỉ: Số 01, ngách 68/212, đường H1 Thượng Lãn Ông, phố Phúc Nam, phường Phúc Thành, Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình.

4. Chị Đinh Thị L3; địa chỉ: Số 103, đường X, phố T, phường T1, Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình.

5. Bà Đinh Thị C; địa chỉ: Số nhà A1 (xóm Mơ), phố Phúc Lâm, phường Ninh Phong, Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình.

6. Anh Đinh Văn L4; địa chỉ: Số 161, đường X, phố Đ, phường T1, Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình.

- *Người kháng cáo:*

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị L
2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H
3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Đinh Thị L3, chị Đinh Thị C, anh Đinh Văn L2.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt: Chị L, chị L3, anh L2, anh H1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 9 năm 2015, các bản tự khai của nguyên đơn chị Đinh Thị L trình bày:

Chị Đinh Thị L là con đẻ của ông Đinh Văn N và bà Nguyễn Thị H. Ông N, bà H có 7 người con đẻ gồm: Đinh Thị C, Đinh Thị M, Đinh Văn L1, Đinh Thị L3, Đinh Văn L2, Đinh Thị L, Đinh Văn L4. Ông N, bà H không có con riêng, con nuôi.

Quá trình chung sống ông N và bà H tạo dựng được khối tài sản chung gồm: Quyền sử dụng diện tích đất 117,1m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 602748 ngày 31/12/2004 tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, Thành phố N1 mang tên bà Nguyễn Thị H; địa chỉ thửa đất tại: Số 150 đường X, phố T3, phường T1, Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình. Mảnh đất có nguồn gốc do ông cha để lại. Năm 2015, Nhà nước thu hồi 22,9m^2 đất để mở rộng đường nên diện tích đất còn lại là 94,2m^2; Quyền sử dụng diện tích đất 93,6m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 461233 ngày 20/7/2015 tại thửa số B33, tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư cánh đồng Son, phố Tân Thịnh, phường T1 mang tên bà Nguyễn Thị H. Đất có nguồn gốc từ việc nhà nước thu hồi 22,9m^2 và phần thanh toán do chênh lệch từ số tiền bồi thường tài sản bị tháo dỡ trên diện tích đất tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, Thành phố N1; 01 ngôi nhà cấp 4 tường xây gạch, mái lợp ngói và 01 nhà bếp 02 gian, tường gạch, mái đổ bê tông trên diện tích đất 94,2m^2 tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình.

Năm 1992, ông N chết không để lại di chúc, toàn bộ tài sản chung của ông N, bà H chưa phân chia và đang được bà H quản lý sử dụng.

Chị Đinh Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án: Phân chia khối tài sản chung của ông N, bà H; Chia di sản thừa kế của ông N trong khối tài sản chung với bà H cho các đồng thừa kế theo quy định pháp luật. Chị L đề nghị được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, chia sát kỷ phần thừa kế của bà H.

Tại bản tự khai ngày 01/12/2015 và trong quá trình giải quyết bị đơn bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà H là chị Đinh Thị L3 trình bày:

Về nguồn gốc đất và khối tài sản chung như nguyên đơn trình bày là đúng. Bà H đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn. Bà H đề nghị Tòa án chia tài sản chung của ông N, bà H. Một nửa khối tài sản chung thuộc quyền sở hữu của bà H, do bà H quản lý sử dụng. Một nửa tài sản chung của ông N và bà H là di sản thừa kế của ông N để lại, bà H đề nghị chia thừa kế theo pháp luật cho bà H và 07 người con đẻ của bà H và ông N mỗi người một phần theo quy định của pháp luật và đề nghị được nhận kỷ phần thừa kế của ông N là hiện vật và chia sát với phần tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là tài sản của riêng của bà H.

Ngoài ra, tại Biên bản làm việc ngày 02/6/2017 bà H trình bày: Sau khi Nhà nước mở đường, do nhà cũ bị phá dỡ nên bà H đã sửa chữa, cải tạo lại nhà ở và công trình trên đất tại thửa số 79, tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1. Tổng chi phí sửa chữa, cải tạo là 98.390.000 đồng. Trong đó, 25.000.000 đồng là số tiền Nhà nước bồi thường tài sản trên đất và 73.390.000 đồng là tiền riêng của bà H tự bỏ ra để sửa chữa. Bà H không đề nghị Tòa án giải quyết số tiền 73.390.000 đồng mà bà tự chi phí sửa chữa, cải tạo nhà. Số tiền bồi thường tài sản trên đất 25.000.000 đồng bà H cũng đã chi phí vào tu sửa khối tài sản chung nên cũng không đề nghị Tòa án xem xét.

Tại bản tự khai ngày 30/11/2015, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đinh Văn L4 trình bày:

Về nguồn gốc đất và khối tài sản chung như nguyên đơn trình bày là đúng. Anh L4 đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn. Anh L4 đề nghị Tòa án chia tài sản chung của ông N và bà H: Một nửa để bà H sở hữu, quản lý sử dụng; một nửa tài sản chung của ông N và bà H là di sản thừa kế của ông N để lại ông L4 đề nghị chia thừa kế theo pháp luật cho bà H và 07 người con đẻ của bà H và ông N mỗi người một phần theo quy định của pháp luật. Kỷ phần của anh L4 xin được nhận bằng tiền.

Tại các Đơn đề nghị ngày 10/5/2016, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đinh Thị C và chị Đinh Thị L3 trình bày:

Về nguồn gốc đất và khối tài sản chung như nguyên đơn trình bày là đúng. Chị L3 và chị C đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 07/12/2015, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đinh Văn L1, người đại diện của anh Đinh Văn L1 là Đinh Văn H1, anh Đinh Văn L2, chị Đinh Thị M trình bày:

Chị Đinh Thị M, anh Đinh văn L1 và anh Đinh Văn L2 là con đẻ của ông Đinh Văn N và bà Nguyễn Thị H. Ông N, bà H có 7 người con đẻ gồm: Đinh Thị C, Đinh Thị M,

Đinh Văn L1, Đinh Thị L3, Đinh Văn L2, Đinh Thị L, Đinh Văn L4. Ông N, bà H không có con riêng, con nuôi.

Trong thời kỳ hôn nhân ông N, bà H tạo lập được khối tài sản chung là 01 ngôi nhà cấp 4 tường xây gạch, mái lợp ngói và 01 nhà bếp 02 gian, tường gạch, mái đổ bê tông trên diện tích đất 94,2m^2 tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình. Khối tài sản chung này được xây dựng trên mảnh đất có nguồn gốc do bố mẹ đẻ của ông N để lại riêng cho ông N. Vì vậy năm 1992, khi ông N chết đã để lại di chúc có nội dung: Mảnh đất do bố ông N chia để ở chứ không phải là đất hương hỏa. Ông N để lại làm đất hương hỏa là ngôi nhà làm nơi thờ tự và sau khi vợ chồng ông N, bà H qua đời giao lại cho con trưởng là anh Đinh Văn L1 được quyền sử dụng toàn bộ, anh L1 không được bán để sử dụng riêng và phải có trách nhiệm với bà H khi già yếu không làm ăn gì được. Năm 2015, Nhà nước thu hồi 22,9m^2 để mở rộng đường nên diện tích đất hiện nay còn lại là 94,2m^2 .

Mảnh đất thứ 2 có diện tích 93,6m^2 thuộc quy hoạch khu dân sư cánh đồng Son, phố Tân Thịnh, phường T1. Mảnh đất này có nguồn gốc từ việc nhà nước thu hồi 22,9m^2 và phần thanh toán do chênh lệch từ số tiền bồi thường tài sản bị tháo dỡ trên diện tích đất mà ông N viết di chúc để lại tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 18, phường T1, Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình.

Chị M, anh L2, anh L1, anh H1 đề nghị Tòa án xác định quyền sử dụng 94,2m^2 đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, Thành phố N1 và quyền sử dụng 93,6m^2 đất tại thửa số B33, tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư cánh đồng Son, phố Tân Thịnh, phường T1, Thành phố N1 là tài sản riêng của ông N, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản của ông N cho các đồng thừa kế. Đề nghị Tòa án công nhận bản di chúc ông N để lại ngày 11/5/1992 là di chúc hợp pháp và chia thừa kế theo di chúc.

Ngày 15/7/2016, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố N1 đã cung cấp cho Tòa án: Hồ sơ địa chính thửa đất số 79, tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, Thành phố N1 mang tên bà Nguyễn Thị H gồm:

- Đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 01/4/2003 của bà Nguyễn Thị H về quyền sử dụng đất thửa đất số 79, tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, thị xã N1.

-Đơn xin đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/12/2004 của bà Nguyễn Thị H về quyền sử dụng đất thửa đất số 79, tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, thị xã N1.

- Hồ sơ kỹ thuật số 79, tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, thị xã N1.

- Sổ mục kê năm 1980 -1981 số thứ tự 330 chủ sử dụng Lăm $_{Đ3}$ (N) thổ cư 240 m^2

- Sổ mục kê năm 1996 số thứ tự 61 chủ sử dụng Nguyễn Thị H thổ cư 250,7m^2.

- Trích lục bản đồ số 2, xã N4 năm 1980-1981 tỷ lệ 1/2000 thửa số 330 .

- Trích lục bản đồ số 111, xã N4 năm 1996 tỉ lệ 1/500 thửa số 61.

- Trích lục bản đồ số 18, phường T1 năm 2003 tỉ lệ 1/500 thửa số 79.

Ngày 30/8/2016, Ủy ban nhân dân phường T1 cung cấp cho Tòa án các tài liệu liên quan đến thửa đất số B33, tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư cánh đồng Son, phố Tân Thịnh, phường T1, Thành phố N1 gồm:

- Đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị H ngày 19/6/2015.

- Quyết định số 3441/QĐ-UBND ngày 20/7/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố N1 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị H vị trí lô B33, tổng diện tích 93,6 m^2.

Ngày 30/3/2016, Tòa án nhân dân Thành phố N1 tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, ngày 31/8/2016 tiến hành định giá đối với tài sản tranh chấp chia thừa kế. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản như sau:

* Quyền sử dụng 94,2m^2 đất tại thửa số 79 tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, Thành phố N1 có trị giá: 94,2m^2 x 15.000.000đ/m^2 = 1.413.000.000 đồng.

* Tài sản gắn liền thửa đất số 79 tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, Thành phố N1, gồm:

- 01 ngôi nhà cấp 4 bằng gỗ, 03 gian, 01 chái, tường gạch, mái ngói (kích thước 6m x 8,26m) xây dựng năm 1971 đã được sửa chữa lại năm 2015 trị giá 189.950.000 đồng.

- 01 nhà bếp, mái bằng (kích thước 2,8m x 5,53m), xây dựng năm 2010 trị giá 15.296.000 đồng.

- Vật kiến trúc khác trị giá: 4.948.000 đồng.

Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 79 tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, Thành phố N1 là 1.623.194.000 đồng.

* Quyền sử dụng 93,6m^2 đất tại thửa số B33, tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư cánh đồng Son, phố Tân Thịnh, phường T1, Thành phố N1 có trị giá: 93,6m^2 x 7.000.000 đồng/m^2 = 655.200.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản tranh chấp chia thừa kế là 1.623.194.000 đồng + 655.200.000 đồng = 2.278.394.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố N1 quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Đinh Văn N trong khối tài sản chung với bà Nguyễn Thị H có giá trị 1.139.197.000 đồng cho 08 đồng thừa kế gồm: Bà Nguyễn Thị H, chị Đinh Thị C, chị Đinh Thị M, anh Đinh Văn L1, chị Đinh Thị L3, anh Đinh Văn L2, chị Đinh Thị L, anh Đinh Văn L4. Mỗi kỷ phần có trị giá 142.399.600 đồng.

- Giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng thửa đất số B33, tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư cánh đồng Son, phố Tân Thịnh, phường T1, Thành phố N1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 461233 cấp ngày 20/7/2015 mang tên Nguyễn Thị H với diện tích 93,6m^2 có giá trị 655.200.000 đồng và nhận số tiền chênh lệch tài sản là 423.497.200 đồng của 07 đồng thừa kế gồm: Chị C, chị M, anh L1, chị L3, anh L2, chị L và anh L4.

- Giao diện tích đất ở 94,2m^2 tại thửa đất số 79 tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, Thành phố N1 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 602748 ngày 31/12/2004 mang tên Nguyễn Thị H và tài sản trên đất là 01 nhà gỗ 03 gian 01 chái cấp 4 cùng công trình phụ trên đất có tổng giá trị là 1.623.194.000 đồng cho 08 đồng thừa kế cùng sở hữu, quản lý, sử dụng gồm: Bà Nguyễn Thị H, chị Đinh Thị C, chị Đinh Thị M, anh Đinh Văn L1, chị Đinh Thị L3, anh Đinh Văn L2, chị Đinh Thị L, anh Đinh Văn L4 để làm nơi thờ cúng tổ tiên.

- Các đồng thừa kế: Chị Đinh Thị C, chị Đinh Thị M, anh Đinh Văn L1, chị Đinh Thị L3, anh Đinh Văn L2, chị Đinh Thị L, anh Đinh Văn L4 có trách nhiệm thanh toán số tiền chênh lệch tài sản cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền là 423.497.200 đồng, mỗi người phải thanh toán cho bà H số tiền 60.499.600 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H phải nộp 50.448.000 đồng. Chị C, chị M, anh L1, chị L3, anh L2, chị L, anh L4 mỗi người phải nộp 7.120.000 đồng. (Bảy triệu một trăm hai mươi nghìn đồng)

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, điều kiện thi hành án cho các đương sự.

Ngày 07/02/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố N1. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo hướng chia cho bà H bằng quyền sử dụng đất, bà H không đồng ý nhận tiền; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền án phí mà bà H phải chịu theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Ngày 07/02/2018, nguyên đơn là chị Đinh Thị L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chị Đinh Thị C, Đinh Thị L3 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố N1. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo hướng chia cho các chị bằng quyền sử dụng đất, chia sát nhau và sát phần của bà H được hưởng.

Ngày 14/02/2018, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Văn L2 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố N1 với lý do: Thửa đất tại phố T3 là tài sản riêng của ông N, đã được ông N di chúc để lại toàn bộ cho con trai trưởng là anh Đinh Văn L1 toàn quyền quản lý, sử dụng vào việc thờ cúng.

Ngày 23/02/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố N1. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình giải quyết lại vụ án theo hướng: Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm của các đương sự là bà Nguyễn Thị H, chị Đinh Thị M, chị Đinh Thị C và xử lý số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 7.500.000 đồng chị Đinh Thị L đã nộp tại Chi cục thi hành án Thành phố N1.

Ngày 14/5/2018 anh Đinh Văn L2 có đơn đề nghị Tòa án tỉnh Ninh Bình giám định chữ ký và thu thập chứng cứ để giải quyết tranh chấp chia tài sản thừa kế với nội dung: Đề nghị giám định chữ ký của các thành viên gia đình ông Đinh Văn N đã ký vào Bản di

chúc của ông Đinh Văn N ngày 11/5/1992; xác định diện tích đất ở của ông Đinh Văn N trong Bản di chúc của ông Đinh Văn N ngày 11/5/1992 là của bố, mẹ đẻ ông Đinh Văn N tặng cho ông Đinh Văn N hay là của ông Đinh Văn N và bà Nguyễn Thị H tạo lập nên? Ngày 18/5/2018, Tòa án tỉnh Ninh Bình đã thông báo yêu cầu anh Đinh Văn L2 cung cấp tài liệu chứng cứ để giải quyết yêu cầu của anh L2 tại đơn đề nghị ngày 14/5/2018. Ngày 25/5/2018, anh Đinh Văn L2 có bản tường trình nêu rõ chỉ nộp cho Tòa án 09 bản tường trình ngày 25/5/2018 của anh L1, bà Náu, của anh L2 (mỗi người 03 bản). Ngoài ra anh L2 không còn tài liệu chứng cứ nào khác để giao nộp cho Tòa án làm căn cứ giám định. Do anh L2 không cung cấp đủ tài liệu theo yêu cầu giám định nên Tòa án không tiến hành giám định theo đề nghị của anh L2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình giữ nguyên kháng nghị

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d, khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình và kháng cáo của bà H, chị L3, chị L. Bác kháng cáo của anh L2. Sửa bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố N1 về phần giao di sản thừa kế cho các đồng thừa kế và án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể: Chia cho bà H và các anh L1, L2, L4 đồng thừa kế được quyền sở hữu thửa đất số 79, tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, Thành phố N1 có diện tích 94,2 m^2 và các tài sản trên đất có trị giá là 1.623.194.000 đồng. Trong đó 1/2 diện tích nhà đất có trị giá 811.597.000 đồng là quyền sử dụng, sở hữu của bà H. Bà H được tiếp tục quản lý sử dụng đối với nhà đất nêu trên. Các anh L1, L2, L4 phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho bà H là 384.398.125 đồng cho bà H. Giao diện tích đất 93,6m^2 tại thửa số B33, tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư cánh đồng Son, phố Tân Thịnh, phường T1 trị giá 655.200.000 cho các chị L, L3, C, M được quyền sở hữu, sử dụng. Các chị L, L3, C, M có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch tài sản 85.601.500 đồng cho bà H. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H, chị C, chị M. Chị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 7.120.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng 7.500.000 đồng đã nộp, được nhận lại số tiền 380.000 đồng. Chị L3, anh L2, anh L1, L4 mỗi người phải nộp 7.120.000 đồng. Án phí dân sự phúc thẩm anh L2 phải nộp 300.000 đồng. Bà H, chị C, chị L, chị L3 không phải nộp, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn là chị Đinh Thị L, bị đơn là bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Đinh Thị L3, anh Đinh Văn L2 có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của

pháp luật. Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình kháng nghị đúng thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Đinh Thị C có kháng cáo đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị C.

[2] Về nguồn gốc khối tài sản tranh chấp: Quyền sử dụng diện tích đất 117,1m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 602748 ngày 31/12/2004 tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, Thành phố N1 mang tên bà Nguyễn Thị H; địa chỉ thửa đất tại: Số 150 đường X, phố T3, phường T1, Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình. Năm 2015, Nhà nước thu hồi 22,9m^2 đất để mở rộng đường nên diện tích đất còn lại là 94,2m^2; Quyền sử dụng diện tích đất 93,6m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 461233 ngày 20/7/2015 tại thửa số B33, tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư cánh đồng Son, phố Tân Thịnh, phường T1 mang tên bà Nguyễn Thị H. Đất có nguồn gốc từ việc nhà nước thu hồi 22,9m^2 và phần thanh toán do chênh lệch từ số tiền bồi thường tài sản bị tháo dỡ trên diện tích đất tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, Thành phố N1; 01 ngôi nhà cấp 4 tường xây gạch, mái lợp ngói và 01 nhà bếp 02 gian, tường gạch, mái đổ bê tông trên diện tích đất 94,2m^2 tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình.

Theo các tài liệu do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố N1, Ủy ban nhân dân phường T1, Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình đã cung cấp cho Tòa án và các lời khai của đương sự tại Tòa án đã có đủ căn cứ để xác định khối tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng ông Đinh Văn N và bà Nguyễn Thị H tạo lập và sử dụng ổn định lâu dài không có tranh chấp trước ngày Luật đất đai năm 1993 có hiệu L1. Bản tường trình của anh Đinh Văn L2 có xác nhận của ông Đinh Văn T4, Trưởng ngành số 2 Họ Đinh tộc T3 với nội dung: Thửa đất mang tên Nguyễn Thị H có nguồn gốc cha ông để lại cho ông Đinh Văn N không đủ cơ sở khẳng định là tài sản riêng của ông Đinh Văn N. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng ông N, bà H theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Về nội dung kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Văn L2: Anh L2 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố N1 với lý do: Thửa đất tại phố T3 là tài sản riêng của ông N, đã được ông N di chúc để lại toàn bộ cho con trai trưởng là anh Đinh Văn L1 toàn quyền quản lý, sử dụng vào việc thờ cúng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Văn bản đề ngày 11/5/1992 có nội dung " Tên tôi là Đinh Văn N có 6 thước đất bố tôi chia để ở chứ không phải là đất hương hỏa. Nay tôi để làm đất hương hỏa cái nhà 4 gian do vợ chồng tôi thắt lưng buộc bụng làm nên cái nhà này. Đất 6 thước để làm hương hỏa. Nhà để làm nơi thờ tự ông bà bố mẹ. Nay tôi giao cho con trưởng là Đinh Văn L1 hết đời vợ chồng tôi anh L1 ở và được sử dụng hoàn toàn tất cả còn từ bể ra ngoài đường trừ chuồng lợn cách giọt ranh ra 20 phân trở ra nếu Hợp tác lấy ra anh phải trả nếu không anh được sử dụng không được bán đi để làm công việc riêng tư của gia đình. Anh L1 phải có trách nhiệm với bà khi già yếu không làm được ăn phải trách nhiệm với bà đến lúc về già" phần dưới có chữ

ký: Đinh Văn N, Nguyễn Thị Hóa, Đinh Văn L1, Đinh Văn L2, Đinh Văn L4, Nguyễn Thị Náu, Lê Thị Lân, Đinh Thị Yến. Với nội dung trên, Văn bản ngày 11/5/1992 có đầy đủ nội dung của bản Di chúc nên được coi là Di chúc của ông Đinh Văn N. Di chúc này được lập vào năm 1992, thời điểm Pháp lệnh Thừa kế ngày 30/8/1990 (sau đây gọi tắt là Pháp lệnh) có hiệu L1 pháp luật nên đối chiếu các quy định tại Pháp lệnh để xác định tính hợp pháp của Di chúc. Di chúc của ông Đinh Văn N là Di chúc viết không có chứng thực, xác nhận theo quy định của Điều 14, Điều 15, Điều 16 của Pháp lệnh. Bản di chúc này đã được các đương sự thừa nhận là do anh Đinh Văn L1 viết, không phải do ông Đinh Văn N tự viết. Nội dung di chúc có giao nghĩa vụ cho người thừa kế anh Đinh Văn L1 rõ ràng. Tuy nhiên, việc xác định định di sản của ông N không đúng với quy định tại Điều 4 Pháp lệnh (định đoạt cả khối tài sản chung của vợ chồng ông N, bà H); Di chúc được lập trong lúc ông N đang ốm nặng, không có mặt đầy đủ của những người thừa kế, những người ký xác nhận vào bản di chúc là những người thừa kế theo pháp luật của ông N và người thân thích của những người thừa kế nên vi phạm Điều 19 Pháp lệnh. Mặt khác, khi ông N qua đời anh Đinh Văn L1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ mà ông N giao trong bản di chúc. Do đó, Di chúc ngày 11/5/1992 của ông Đinh Văn N không đủ điều kiện để công nhận là Di chúc hợp pháp, cho nên yêu cầu kháng cáo của anh Đinh Văn L2 là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Về kháng cáo của nguyên đơn là chị Đinh Thị L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chị Đinh Thị L3 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố N1. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo hướng chia cho các chị bằng quyền sử dụng đất, chia sát nhau và sát phần của bà H được hưởng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Hai thửa đất đều có diện tích dưới 100 m^2 nên chỉ phù hợp với một người sử dụng nên không thể chia đều di sản thừa kế bằng quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế. Nếu gộp chung để các đồng thừa kế sử dụng chung thì việc thi hành bản án sẽ khó khăn và dễ phát sinh tranh chấp. Vì vậy, cần phân định kỷ phần thừa kế theo giá trị di sản đã được định giá là phù hợp. Cho nên, yêu cầu kháng cáo của chị Đinh Thị L và chị Đinh Thị L3 không được chấp nhận.

[5] Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố N1 với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo hướng chia cho bà H bằng quyền sử dụng đất, bà H không đồng ý nhận tiền; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền án phí mà bà H phải chịu theo quyết định của bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Việc cấp sơ thẩm áp dụng chia tài sản chung và chia thừa kế di sản của ông N theo pháp luật để xác định giá trị quyền sở hữu tài sản của bà H và giá trị kỷ phần thừa kế của bà H là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi chia bằng hiện vật lại không tính toán đến việc bà H đã sinh sống lâu năm trên phần đất của vợ chồng, bà H cần có sự ổn định trong cuộc sống. Bà H, có công sức đóng góp trong việc bảo quản di sản (bà H không yêu cầu tính giá trị khoản này). Việc phân định tài sản bằng hiện vật không rõ ràng gây khó khăn cho việc thi hành án. Do đó, cần phải chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H sửa án sơ thẩm để phân định lại tài sản bằng hiện vật cụ thể như sau:

Khối tài sản chung của ông Đinh Văn N và bà Nguyễn Thị H gồm: Quyền sử dụng diện tích đất 94,2m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 602748 ngày 31/12/2004 tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, Thành phố N1 mang tên bà Nguyễn Thị H; Quyền sử dụng diện tích đất 93,6m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 461233 ngày 20/7/2015 tại thửa số B33, tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư cánh đồng Son, phố Tân Thịnh, phường T1 mang tên bà Nguyễn Thị H; 01 ngôi nhà cấp 4 tường xây gạch, mái lợp ngói và 01 nhà bếp 02 gian, tường gạch, mái đổ bê tông trên diện tích đất 94,2m^2 tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình đã được Hội đồng định giá là 2.278.394.000 đồng. Ông N, bà H là vợ chồng nên được chia đôi theo quy định của pháp luật. Bà H được quyền sở hữu ½ giá trị khối tài sản này là 1.139.197.000 đồng.

Di sản của ông Đinh văn N là ½ giá trị khối tài sản chung của vợ chồng ông N, bà H là 1.139.197.000 đồng.

Bản di chúc của ông N để lại không hợp pháp nên di sản của ông N được chia thừa kế theo pháp luật. Tại thời điểm mở thừa kế những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N gồm: Vợ (bà H) và các con đẻ (Đinh Thị C, Đinh Thị M, Đinh Văn L1, Đinh Thị L3, Đinh Văn L2, Đinh Thị L, Đinh Văn L4) tổng cộng là 08 kỷ phần. Như vậy, mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng giá trị di sản thừa kế của ông N là 142.339.625 đồng.

Căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh gia đình tại thời điểm hiện tại của những người thừa kế của ông N, hiện trạng quyền sử dụng đất, phân chia bằng hiện vật khối tài sản chung của ông N, bà H và chia di sản thừa kế của ông N cụ thể như sau:

Bà H được sở hữu: 01 ngôi nhà cấp 4 tường xây gạch, mái lợp ngói và 01 nhà bếp 02 gian, tường gạch, mái đổ bê tông và quyền sử dụng diện tích đất 94,2m^2 tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình trị giá 1.623.194.000 đồng và có nghĩa vụ thanh toán cho những người thừa kế chị Đinh Thị L số tiền 142.339.625 đồng, chị Đinh Thị L3 số tiền 142.339.625 đồng, anh Đinh Văn L4 số tiền 56.498.125 đồng.

Anh Đinh Văn L1 được sở hữu quyền sử dụng đất 93,6m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 461233 ngày 20/7/2015 tại thửa số B33, tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư cánh đồng Son, phố Tân Thịnh, phường T1, Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình mang tên bà Nguyễn Thị H trị giá 655.200.000 đồng và có nghĩa vụ thanh toán cho những người thừa kế Đinh Thị C số tiền 142.339.625 đồng, Đinh Thị M số tiền 142.339.625 đồng, Đinh Văn L2 số tiền 142.339.625 đồng và Đinh Văn L4 số tiền 85.841.500 đồng.

[6] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình, kháng cáo của bà H, chị C, chị M về việc miễn án phí đối với người cao tuổi và xử lý số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: "Đối với những vụ việc đã được Tòa án thụ lý để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm hoặc theo thủ tục phúc thẩm trước ngày 01/7/2017 nhưng sau ngày 01/01/2017 mới giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm thì các quyết định về án phí, lệ phí được thực hiện theo quy định của pháp Tòa án năm 2009; trường hợp theo quy định của Pháp lệnh

án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 mà đương sự, người bị kết án phải chịu án phí, lệ phí Tòa án nhưng theo quy định của Nghị quyết này thì đương sự, người bị kết án không phải chịu hoặc được miễn, giảm án phí, lệ phí thì áp dụng quy định của Nghị quyết này.” Như vậy, bà Nguyễn Thị H, chị Đinh Thị M, chị Đinh Thị C đều là những người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 là trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên áp dụng quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 để miễn án phí và xử lý khoản tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Do bản án sơ thẩm bị sửa nên những người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 633, Điều 637, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 4, Điều 5, Điều 17, Điều 19 Pháp lệnh Thừa kế ngày 30/8/1990; Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009; các Điều 26; điểm a, khoản 7 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị Đinh Thị C

2. Không chấp nhận kháng cáo của của nguyên đơn là chị Đinh Thị L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chị Đinh Thị L3 và anh Đinh Văn L2.

3. Chấp nhận kháng cáo của của bị đơn bà Nguyễn Thị H

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình cụ thể như sau:

3.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Chia khối tài sản chung của ông Đinh Văn N và bà Nguyễn Thị H gồm: Quyền sử dụng diện tích đất 94,2m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 602748 ngày 31/12/2004 tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, Thành phố N1 mang tên bà Nguyễn Thị H; Quyền sử dụng diện tích đất 93,6m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 461233 ngày 20/7/2015 tại thửa số B33, tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư cánh đồng Son, phố Tân Thịnh, phường T1 mang tên bà Nguyễn Thị H; 01 ngôi nhà cấp 4 tường xây gạch, mái lợp ngói và 01 nhà bếp 02 gian, tường gạch, mái đổ bê tông trên diện tích đất 94,2m^2 tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình đã được Hội đồng định giá là 2.278.394.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H được quyền sở hữu ½ giá trị khối tài sản này là 1.139.197.000 đồng.

- Chia Di sản của ông Đinh văn N là ½ giá trị khối tài sản chung của vợ chồng ông N, bà H trị giá là 1.139.197.000 đồng cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N gồm: Vợ (bà Nguyễn Thị H) và các con đẻ (Đinh Thị C, Đinh Thị M, Đinh Văn L1, Đinh Thị L3, Đinh Văn L2, Đinh Thị L, Đinh Văn L4) tổng cộng là 08 kỷ phần. Mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng là 142.339.625 đồng.

3.2. Chia khối tài sản chung của ông Đinh Văn N và bà Nguyễn Thị H bằng hiện vật như sau:

Bà H được sở hữu: 01 ngôi nhà cấp 4 tường xây gạch, mái lợp ngói và 01 nhà bếp 02 gian, tường gạch, mái đổ bê tông và quyền sử dụng diện tích đất 94,2m^2 tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 18, phố T3, phường T1, Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình trị giá 1.623.194.000 đồng và có nghĩa vụ thanh toán cho những người thừa kế Đinh Thị L số tiền 142.339.625 đồng làm tròn là 142.340.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng), Đinh Thị L3 số tiền 142.339.625 làm tròn là 142.340.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng), Đinh Văn L4 số tiền 56.498.125 làm tròn là 56.498.000 đồng (Năm mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Anh Đinh Văn L1 được sở hữu quyền sử dụng đất 93,6m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 461233 ngày 20/7/2015 tại thửa số B33, tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư cánh đồng Son, phố Tân Thịnh, phường T1, Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình mang tên bà Nguyễn Thị H trị giá 655.200.000 đồng và có nghĩa vụ thanh toán cho những người thừa kế Đinh Thị C số tiền 142.339.625 đồng làm tròn là 142.340.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng), Đinh Thị M số tiền 142.339.625 đồng làm tròn là 142.340.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng), Đinh Văn L2 số tiền 142.339.625 đồng làm tròn là 142.340.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) và Đinh Văn L4 số tiền 85.841.500 đồng (Tám mươi lăm triệu tám trăm bốn mốt nghìn năm trăm đồng).

Chị Đinh Thị L được nhận kỷ phần thừa kế là số tiền 142.339.625 đồng làm tròn là 142.340.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) từ bà Nguyễn Thị H.

Chị Đinh Thị L3 được nhận kỷ phần thừa kế là số tiền 142.339.625 đồng làm tròn là 142.340.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) từ bà Nguyễn Thị H.

Anh Đinh Văn L4 được nhận kỷ phần thừa kế là số tiền 56.498.125 làm tròn là 56.498.000 đồng (Năm mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng) từ bà Nguyễn Thị H và số tiền 85.841.500 đồng (Tám mươi lăm triệu tám trăm bốn mốt nghìn năm trăm đồng) từ anh Đinh Văn L1.

Chị Đinh Thị C được nhận kỷ phần thừa kế là số tiền 142.339.625 đồng làm tròn là 142.340.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) từ anh Đinh Văn L1.

Chị Đinh Thị M được nhận kỷ phần thừa kế là số tiền 142.339.625 đồng làm tròn là 142.340.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) từ anh Đinh Văn L1.

Anh Đinh Văn L2 được nhận kỷ phần thừa kế là số tiền 142.339.625 đồng làm tròn là 142.340.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) từ anh Đinh Văn L1.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

4. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H, chị Đinh Thị M, chị Đinh Thị C.

Buộc anh Đinh Văn L1, chị Đinh Thị L3, anh Đinh Văn L2, chị Đinh Thị L, anh Đinh Văn L4 mỗi người phải nộp 7.120.000 đồng (Bảy triệu một trăm hai mươi nghìn đồng.

Số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị L phải nộp được trừ trong số tiền 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2010/06167 ngày 16/11/2015 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình. Hoàn trả cho chị L số tiền 380 000 đồng (Ba trăm tám mươi nghìn đồng).

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu L1 pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Những người kháng cáo không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà các đương sự đã nộp. Cụ thể: Chị Đinh Thị L là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2010/06792 ngày 22/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình; Chị Đinh Thị L3 là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2010/06791 ngày 22/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình; Chị Đinh Thị C là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2010/06790 ngày 22/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình; Bà Nguyễn Thị H là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2010/06789 ngày 22/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình và anh Đinh Văn L2 là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2016/0000905 ngày 23/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố N1, tỉnh Ninh Bình.

7. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu L1 pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 11 tháng 7 năm 2018**.**

Nơi nhận:
- Tòa án cấp cao tại Hà nội;
- Tòa án nhân dân Thành phố N1;
- Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự Thành phố N1
- Các đương sự;
- L: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đinh Huy Lưỡng